

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

ThS. Lưu Tuấn Hiếu*

Kinh tế thị trường (KTTT) là cơ chế quan trọng để phân bổ các nguồn lực, điều tiết sản xuất, lưu thông hàng hoá, điều tiết quan hệ cung - cầu,... Thực tiễn đổi mới đã chứng minh sự cần thiết và hiệu quả của việc vận dụng KTTT trong xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) ở nước ta. Cơ chế KTTT định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) đã từng bước hình thành và hoàn thiện, thể hiện trong văn kiện của Đảng qua các kỳ đại hội, nhất là sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986).

1. VỀ KTTT định hướng XHCN

Từ những yêu cầu của thực tiễn đất nước cuối thập niên 70, đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, sau những bước “dò đường” thông qua các chính sách kinh tế như: “ba phần kế hoạch”, “khoán 100”, “khoán 10”,... đến Đại hội VI (năm 1986), Đảng đã chính thức đưa ra đường lối đổi mới phát triển đất nước.

Đại hội VI khẳng định: “Việc bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp từ nhiều năm nay không tạo được động lực phát triển, làm suy yếu kinh tế XHCN, hạn chế việc sử dụng và cải tạo các thành phần kinh tế khác, kìm hãm sản xuất, làm giảm năng suất, chất lượng, hiệu quả, gây rối loạn trong phân phối lưu thông và nhiều hiện tượng tiêu cực trong xã hội”¹.

Đại hội VII (năm 1991) của Đảng xác định: Cơ chế vận hành của nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN ở nước ta là “cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước” bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

Đại hội VIII (năm 1996) xác định: Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN.

Đại hội IX (năm 2001) xác định: Nền KTTT định hướng XHCN là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH. Đó là nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN.

Đại hội X (năm 2006) đánh giá: Thể chế KTTT định hướng XHCN được xây dựng bước đầu. Tính

định hướng XHCN trong nền KTTT ở nước ta là: “Thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh”; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn”².

Đặc biệt, trong nhiệm kỳ 2006-2011, Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (2008) của Đảng đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW “Tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN”. Đến Đại hội XI của Đảng, quan điểm về phát triển KTTT định hướng XHCN được xác định: *Phát triển KTTT định hướng XHCN phục vụ yêu cầu tăng trưởng kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế.*

Đại hội X và Đại hội XI của Đảng đã làm sáng tỏ thêm nội dung cơ bản của

* NCS, Học viện Chính trị Công an nhân dân, Bộ Công an.



Sau 30 năm đổi mới, Việt Nam đạt những thành tựu quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Ảnh: Hoàng Anh

định hướng XHCN trong phát triển KTTT ở nước ta với bốn tiêu chí:

1. *Thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”* giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân; đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu hợp pháp, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn.

2. *KTTT định hướng XHCN có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế*, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và là công cụ chủ yếu để nhà nước điều tiết nền kinh tế. Kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể ngày

càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển...

3. *KTTT định hướng XHCN thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế*, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội. Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; kết hợp chặt chẽ và đồng bộ phát triển kinh tế - xã hội với văn hoá, giáo dục và đào

tạo, giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người.

4. *KTTT định hướng XHCN có sự quản lý của nhà nước*. Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền XHCN dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước quản lý nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, sử dụng cơ chế thị trường, áp dụng các hình thức kinh tế và phương pháp quản lý của KTTT để kích thích sản xuất, giải phóng sức sản xuất, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động.

Đại hội XII (năm 2016) của Đảng tiếp tục thống

nhất nhận thức về KTTT định hướng XHCN, khẳng định: “Nền KTTT định hướng XHCN Việt Nam là nền kinh tế vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của KTTT, đồng thời bảo đảm định hướng XHCN phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đó là nền KTTT hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nền KTTT định hướng XHCN Việt Nam có quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật;

Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp;

Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các nguồn lực của Nhà nước và công cụ, chính sách để định hướng và điều tiết nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội”³...

Một số kết quả đạt được

Từng bước xây dựng hoàn thiện và vận hành nền kinh tế theo mô hình KTTT định hướng XHCN đã đem lại nhiều thành quả to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội nước ta.

Tốc độ tăng GDP khá cao và được duy trì liên tục nhiều năm. Mức tăng GDP bình quân từ năm 1986-1990 đạt 4,43%, giai đoạn 1991-1995 đạt 8,18%, giai đoạn 1996-2000 đạt 6,95%, giai đoạn 2001-2005 đạt 7,33%, giai đoạn 2006-2010 đạt 6,32%, năm 2011 đạt 6,24%, năm 2012 đạt 5,25%, năm 2013 đạt 5,42% và đến năm 2014 đạt 5,98%...

Giai đoạn 2001-2005,

tỷ lệ đầu tư toàn xã hội cho phát triển trong GDP tăng từ 35,4% năm 2001 lên 38,9% năm 2005, đạt bình quân 37,5%, giai đoạn 2006 - 2014 đạt bình quân khoảng 38%. GDP bình quân đầu người tăng qua các năm đã đưa Việt Nam ra khỏi nhóm các nước kém phát triển: Năm 1986 khoảng 100 USD/người, năm 2014 là 2.053 USD/ người.

Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng đều và từng bước cải thiện, giai đoạn 1985-2009, mỗi năm HDI tăng thêm 1,16%. Năm 2011 (đã tính đến yếu tố bình đẳng giới và bất bình đẳng xã hội) chỉ số HDI của Việt Nam đạt 0,589, cao hơn năm 2010 là 0,002; năm 2013 là 0,638, cao hơn mức trung bình 0,614 so với nhóm nước có chỉ số HDI trung bình và dưới 0,703, đưa Việt Nam lên vị trí thứ 121/187 quốc gia và lãnh thổ về phát triển con người.

Từ năm 1991 - 2000, trung bình mỗi năm tạo việc làm cho 1-1,2 triệu lao động; từ năm 2001 đến nay bình quân mỗi năm tạo việc làm cho 1,5 đến 1,6 triệu lao động. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi giảm từ 6,85% năm 1998 xuống

5,31% năm 2005; từ 2,88% năm 2010 giảm còn 2,18% năm 2013. Năm 2014, lao động đã qua đào tạo chiếm khoảng 49% tổng số lao động.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1,5-2%/ năm. Trước năm 1986, tỷ lệ hộ nghèo cả nước là 60% đã giảm còn 12,6% năm 2011 và năm 2014 còn 8,4%⁴. Thành tựu về giảm nghèo được Liên Hiệp quốc công nhận và đánh giá cao.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ, hệ thống cơ sở y tế được nâng cấp và hình thành rộng khắp trong cả nước. Chất lượng hệ thống dịch vụ y tế ngày càng được nâng cao. Thực hiện hiệu quả nhiều chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công với cách mạng,... Tuổi thọ bình quân của người dân từ 62 tuổi năm 1990 tăng lên 73,2 tuổi hiện nay, trong đó nam là 70,6 tuổi và nữ là 76,0 tuổi.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội. Phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tiếp cận và tham gia

các loại hình bảo hiểm; mở rộng các hình thức cứu trợ xã hội, nhất là đối với các đối tượng khó khăn.

Về *hợp tác quốc tế*, giai đoạn 2006-2010 thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt gần 45 tỷ USD, riêng năm 2014 đạt 21,92 tỷ USD. Đã có 101 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam với 17.768 dự án, tổng vốn đăng ký 252,715 tỷ USD. Đầu tư tập trung nhiều nhất trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo.

Tổng vốn ODA cam kết từ năm 1993 đến năm 2011 cho Việt Nam đạt trên 58,4 tỷ USD, chiếm 71,69% trong đó vốn vay ưu đãi đạt 51,6 tỷ USD chiếm khoảng 88,4%, vốn ODA không hoàn lại đạt 6,76 tỷ USD chiếm khoảng 11,6%. Trong giai đoạn 2011-2015 vốn ODA ký kết khoảng 30 tỷ USD, giải ngân khoảng 23 tỷ USD.

Thị trường xuất nhập khẩu được mở rộng, các nguồn lực về vốn, khoa học và công nghệ phát triển. Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với khoảng 170 quốc gia, quan hệ thương mại với khoảng 230 quốc gia và vùng lãnh thổ, tham gia trên 90 hiệp định thương mại song phương và khoảng 60 hiệp định

khuyến khích và bảo hộ đầu tư được ký kết.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN

Đại hội XII xác định một trong những “nhiệm vụ tổng quát phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm tới” là “tiếp tục hoàn thiện thể chế, phát triển KTTT định hướng XHCN; nâng cao hiệu lực, hiệu quả, kỷ luật, kỷ cương, tính công khai, minh bạch trong quản lý kinh tế, năng lực quản lý của nhà nước và năng lực quản trị doanh nghiệp”⁵.

Để thực hiện được nhiệm vụ này, theo chúng tôi cần tiếp tục làm rõ đặc trưng của KTTT định hướng XHCN ở nước ta trên cơ sở *nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của KTTT, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam*. Theo đó, KTTT ở nước ta có hai đặc trưng lớn:

Một là, xây dựng và phát triển thị trường theo hướng hiện đại, đủ sức hội nhập kinh tế quốc tế, phù hợp với các hiệp định thương mại tự do đã và sẽ ký kết trong tương lai gần. Muốn vậy cần nhanh chóng “phát triển đồng bộ và vận hành thông suốt

các loại thị trường. Thực hiện đa dạng hoá thị trường hàng hoá, dịch vụ theo hướng hiện đại, chú trọng hình thành khung pháp lý, phát triển hệ thống phân phối thông suốt và hiệu quả.

Tái cơ cấu thị trường tài chính, bảo đảm lành mạnh hoá và ổn định vững chắc kinh tế vĩ mô, loại bỏ nguy cơ mất an toàn hệ thống, phục vụ có hiệu quả phát triển sản xuất kinh doanh; bảo đảm nguyên tắc thị trường đối với thị trường tài chính, gắn với tăng cường quản lý, kiểm tra, kiểm soát của nhà nước và giám sát của xã hội; phát triển thị trường mua bán nợ, thị trường các công cụ phái sinh, cho thuê tài sản.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách để thị trường bất động sản vận hành thông suốt, phù hợp quy luật cung - cầu nhằm khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả nguồn lực từ đất đai và tài sản, kết cấu hạ tầng trên đất; ngăn ngừa đầu cơ, lãng phí.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển đồng bộ, liên thông thị trường lao động cả về quy mô, chất lượng lao động và cơ cấu ngành nghề.

Tiếp tục đổi mới, phát triển mạnh mẽ và đồng bộ thị trường khoa học - công nghệ, thực hiện cơ chế thị trường và có chính sách hỗ trợ để khuyến khích các tổ chức, cá nhân, nhất là doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ công nghệ vào sản xuất kinh doanh".

Hai là, Nhà nước thực hiện chức năng định hướng XHCN cho nền KTTT với các biện pháp chủ yếu sau đây:

- Thiết lập hệ thống pháp lý có hiệu quả nhằm bảo đảm quyền sở hữu của công dân.

- Nhà nước đóng vai trò giảm thiểu những cú sốc kinh tế - xã hội trong những chu kỳ phát triển của KTTT, trên cơ sở vận dụng *chính sách tài khoá và tiền tệ*. Với chính sách tài khoá, Nhà nước sử dụng việc chi tiêu công và công cụ thuế để kích thích hoặc "hạ nhiệt" nền kinh tế. Với chính sách tiền tệ, Nhà nước có thể giữ cho đồng tiền được ổn định thông qua công cụ lãi suất để tăng, giảm nguồn cung tiền; đồng thời kết hợp vận dụng các chính sách chống độc quyền, bảo đảm tính cạnh tranh của nền kinh tế.

- Cung cấp hàng hoá công cho xã hội, trong đó bao gồm cả lĩnh vực quốc phòng. Thực hiện các chính sách tái phân phối thu nhập với công cụ chính là chính sách thuế nhằm phân phối công bằng hơn; tạo lập mạng lưới an sinh xã hội, y tế, giáo dục.

- Bảo đảm phát triển "kinh tế xanh" thông qua việc ra các chính sách bảo vệ môi trường từ nguồn tài chính của các doanh nghiệp và từ chi tiêu công.

Tóm lại, Nhà nước phải thực thi vai trò kiến tạo KTTT ở một quốc gia đang phát triển như nước ta. Thông qua Nhà nước, Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng XHCN vì mục tiêu xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

Chú thích:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. CTQG, H, 2006, T.47, tr.395-396.
 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb. CTQG, H, 2006, tr.77.
 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, H, 2016, tr. 102, 103.
 4. Kinh tế 2015-2016 Việt Nam và thế giới. Thời báo Kinh tế Việt Nam, Nxb. Hồng Đức, 2016, tr.108.
 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Sdd, tr. 77.
- 2 NCS, Học viện Chính trị Công an nhân dân, Bộ Công an.